



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên (từ ngày 12/4/2017)
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên (từ ngày 12/4/2017)
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên (đến ngày 12/4/2017)
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên (đến ngày 12/4/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mippec Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Khánh *[Signature]*
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-135-SX-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.287.612.742.579	1.189.063.573.307
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	63.976.353.007	60.349.158.480
Tiền	111		63.976.353.007	60.349.158.480
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		804.610.000.000	702.610.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	802.000.000.000	700.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		280.865.637.799	278.566.755.784
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	249.089.904.954	234.865.984.339
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.808.634.924	9.622.416.765
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	31.919.967.605	44.887.257.017
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(10.309.823.226)	(10.808.902.337)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		356.953.542	-
Hàng tồn kho	140	13	103.707.872.775	124.195.026.915
Hàng tồn kho	141		109.070.746.425	126.297.927.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.362.873.650)	(2.102.900.299)
Tài sản ngắn hạn khác	150		34.452.878.998	23.342.632.128
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.000.306.287	2.266.658.724
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.178.677.510	19.561.910.893
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	20(b)	273.895.201	1.514.062.511

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		781.484.902.932	789.094.967.721
Các khoản phải thu dài hạn	210		732.487.298	799.631.178
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	546.432.890	634.081.770
Phải thu dài hạn khác	216		186.054.408	165.549.408
Tài sản cố định	220		426.819.491.188	433.718.562.532
Tài sản cố định hữu hình	221	14	381.089.050.314	387.715.210.163
Nguyên giá	222		794.136.973.723	770.150.257.395
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(413.047.923.409)	(382.435.047.232)
Tài sản cố định vô hình	227	15	45.730.440.874	46.003.352.369
Nguyên giá	228		57.420.473.592	57.420.473.592
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.690.032.718)	(11.417.121.223)
Bất động sản đầu tư	230	16	7.465.181.207	7.556.477.873
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.577.984.058)	(1.486.687.392)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.718.291.163	5.742.178.561
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	10.718.291.163	5.742.178.561
Tài sản dài hạn khác	260		335.749.452.076	341.278.117.577
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	329.292.624.681	334.183.405.913
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.456.827.395	7.094.711.664
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.069.097.645.511	1.978.158.541.028

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.357.633.203.616	1.245.733.548.230
Nợ ngắn hạn	310		1.204.462.365.001	1.084.472.461.506
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	148.864.534.235	154.540.716.142
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.508.152.029	6.951.406.967
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(a)	13.264.991.212	10.399.321.493
Phải trả người lao động	314		46.499.548.268	59.046.162.227
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12.138.341.764	3.823.300.416
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	16.700.696.336	14.022.812.587
Vay ngắn hạn	320	22	956.139.657.233	812.228.614.360
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	20.208.616.777
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	5.346.443.924	3.251.510.537
Nợ dài hạn	330		153.170.838.615	161.261.086.724
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	153.170.838.615	161.261.086.724
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		711.464.441.895	732.424.992.798
Vốn chủ sở hữu	410	24	711.464.441.895	732.424.992.798
Vốn cổ phần	411	25	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	33.582.970.046	20.254.199.280
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.009.909.887	94.743.410.308
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.315.233.713)	(8.291.987.399)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		66.325.143.600	103.035.397.707
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.494.881.962	14.050.703.210
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.069.097.645.511	1.978.158.541.028

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.416.291.814.318	1.160.076.550.764
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	13.157.277.338	10.690.152.453
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.403.134.536.980	1.149.386.398.311
Giá vốn hàng bán	11	30	1.104.942.553.143	864.293.866.575
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		298.191.983.837	285.092.531.736
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	27.811.553.846	26.776.470.101
Chi phí tài chính	22	32	23.130.797.313	22.780.492.830
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.740.957.953</i>	<i>22.780.492.830</i>
Chi phí bán hàng	25	33	157.850.445.565	152.007.379.773
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	54.423.598.107	63.341.545.250
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		90.598.696.698	73.739.583.984
Thu nhập khác	31		683.403.275	2.085.812.600
Chi phí khác	32		552.391.341	2.192.307.276
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		131.011.934	(106.494.676)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		90.729.708.632	73.633.089.308
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	18.693.759.929	14.764.918.439
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	637.884.269	81.684.796
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		71.398.064.434	58.786.486.073
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		66.325.143.600	50.653.156.236
Cổ đông không kiểm soát	62		5.072.920.834	8.133.329.837
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.099	839

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
 Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	90.729.708.632	73.633.089.308
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	34.447.792.912	24.980.228.038
Các khoản dự phòng	03	(17.447.722.537)	(3.722.967.736)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	141.682.812	(94.298.290)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.254.748.112)	(25.885.067.525)
Chi phí lãi vay	06	21.740.957.953	22.780.492.830
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	104.357.671.660	91.691.476.625
Biến động các khoản phải thu	09	(23.754.227.776)	15.468.033.225
Biến động hàng tồn kho	10	17.227.180.789	25.786.306.565
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(15.852.172.266)	(7.088.402.086)
Biến động chi phí trả trước	12	(564.059.220)	(23.444.906.931)
		81.414.393.187	102.412.507.398
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.570.470.828)	(22.987.227.792)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.024.699.987)	(13.793.233.840)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.016.539.950)	(8.651.883.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.802.682.422	56.980.162.588

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(32.964.989.740)	(57.142.756.078)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	339.906.954	884.184.452
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(499.000.000.000)	(500.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	397.000.000.000	627.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	40.771.335.054	8.793.078.150
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(93.853.747.732)	79.534.506.524
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.007.989.212.722	926.493.825.283
Tiền trả nợ gốc vay	34	(864.078.169.849)	(1.016.233.219.472)
Tiền trả cổ tức	36	(80.233.040.800)	(60.749.576.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	63.678.002.073	(150.488.970.941)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.626.936.763	(13.974.301.829)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	60.349.158.480	55.824.604.848
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	257.764	(109.927)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	63.976.353.007	41.850.193.092

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2017: 6 công ty con) như sau:

		30/6/2017 và 1/1/2017	% sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có 1.081 nhân viên (1/1/2017: 1.058 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ Tài sản khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Quyền sử dụng đất	48 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vỏ bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas được nhận. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	3.854.699.928	5.802.134.237
Tiền gửi ngân hàng	59.781.403.079	54.547.024.243
Tiền đang chuyển	340.250.000	-
	<hr/>	
	63.976.353.007	60.349.158.480
	<hr/>	

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	30/6/2017 và 1/1/2017		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Cổ phiếu Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	-

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	802.000.000.000	822.833.563.889

	1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	700.000.000.000	735.578.533.334

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	249.089.904.954	234.865.984.339
Dài hạn	546.432.890	634.081.770
	<hr/>	<hr/>
	249.636.337.844	235.500.066.109

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50.633.471.400	51.118.953.527
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	20.833.563.889	35.578.533.334
Phải thu về cổ tức	100.000.000	-
Phải thu người lao động	5.327.826.709	4.923.322.693
Phải thu khác	5.658.577.007	4.385.400.990
	<hr/>	<hr/>
	31.919.967.605	44.887.257.017

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2017		1/1/2017					
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-	Trên 4 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-	Trên 4 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	Trên 5 năm Từ 1,5 năm đến trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-	Trên 4 năm Từ 1 năm đến trên 4 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-
Khác		8.605.376.677	(4.848.166.500)	3.757.210.177		11.002.027.846	(5.347.245.611)	5.654.782.235
		14.067.033.403	(10.309.823.226)	3.757.210.177		16.463.684.572	(10.808.902.337)	5.654.782.235

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	(10.309.823.226)
	<u>(10.808.902.337)</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	59.082.055	-	19.664.296.281	-
Nguyên vật liệu	34.489.074.018	(3.019.063.570)	52.089.810.613	(2.102.900.299)
Công cụ và dụng cụ	166.950.000	-	225.890.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.560.571.881	-	6.390.265.443	-
Thành phẩm	1.800.846.881	-	7.680.647.006	-
Hàng hóa	67.994.221.590	(2.343.810.080)	40.247.017.871	-
	109.070.746.425	(5.362.873.650)	126.297.927.214	(2.102.900.299)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 3.964 triệu VND nguyên vật liệu và 46.147 triệu VND hàng hóa (1/1/2017: 3.004 triệu VND nguyên vật liệu) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	436.272.700.942	228.457.059.437	91.454.900.297	10.880.631.142	3.084.965.577	770.150.257.395
Tăng trong kỳ	9.500.000.000	2.193.017.766	4.207.645.455	-	115.206.195	16.015.869.416
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 17)	4.303.240.819	5.537.841.767	1.090.804.462	-	-	10.931.887.048
Thanh lý	-	(1.644.739.443)	(1.316.300.693)	-	-	(2.961.040.136)
Số dư cuối kỳ	450.075.941.761	234.543.179.527	95.437.049.521	10.880.631.142	3.200.171.772	794.136.973.723
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	202.585.242.347	116.693.137.954	51.861.746.075	9.269.802.213	2.025.118.643	382.435.047.232
Khấu hao trong kỳ	8.715.873.431	18.858.301.041	3.996.747.634	687.890.433	103.579.323	32.362.391.862
Thanh lý	-	(1.577.860.447)	(171.655.238)	-	-	(1.749.515.685)
Số dư cuối kỳ	211.301.115.778	133.973.578.548	55.686.838.471	9.957.692.646	2.128.697.966	413.047.923.409
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	233.687.458.595	111.763.921.483	39.593.154.222	1.610.828.929	1.059.846.934	387.715.210.163
Số dư cuối kỳ	238.774.825.983	100.569.600.979	39.750.211.050	922.938.496	1.071.473.806	381.089.050.314

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 75.356 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 67.029 triệu VND).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	46.868.897.956	10.551.575.636	57.420.473.592
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.058.741.014	9.358.380.209	11.417.121.223
Khấu hao trong kỳ	57.511.494	215.400.001	272.911.495
Số dư cuối kỳ	2.116.252.508	9.573.780.210	11.690.032.718
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	44.810.156.942	1.193.195.427	46.003.352.369
Số dư cuối kỳ	44.752.645.448	977.795.426	45.730.440.874

16. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.089.930.001	396.757.391	1.486.687.392
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.159.500.001	418.484.057	1.577.984.058
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.867.475.469	1.689.002.404	7.556.477.873
Số dư cuối kỳ	5.797.905.469	1.667.275.738	7.465.181.207

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	5.742.178.561	14.261.624.864
Tăng trong kỳ	15.907.999.650	20.411.039.770
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.931.887.048)	(33.776.050.963)
Số dư cuối kỳ	10.718.291.163	896.613.671

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Hệ thống nạp gas bình nhà máy LPG Hà Nội	4.201.315.539	-
Công trình trạm Sơn La	1.340.910.000	-
Công trình văn phòng Bắc Ninh	181.974.679	-
Cửa hàng bán lẻ khí gas	4.500.000.000	-
Công trình văn phòng Cần Thơ	144.378.182	144.378.182
Công trình văn phòng LPG Hà Nội	-	238.348.428
Hệ thống nạp gas bình chi nhánh Phú Thọ	-	5.070.999.000
Khác	349.712.763	288.452.951
Tổng cộng	10.718.291.163	5.742.178.561

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	285.322.759.947	26.819.247.249	22.041.398.717	334.183.405.913
Tăng trong kỳ	21.351.711.083	1.885.527.096	3.613.689.637	26.850.927.816
Phân bổ trong kỳ	(24.610.369.477)	(1.721.192.889)	(4.926.575.100)	(31.258.137.466)
Xuất khác	(483.571.582)	-	-	(483.571.582)
Số dư cuối kỳ	281.580.529.971	26.983.581.456	20.728.513.254	329.292.624.681

19. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	37.415.570.609	21.281.227.243
Công ty TNHH EI Corporation	37.669.321.800	38.860.881.275
PTT International Trading PTE Ltd	31.180.165.533	33.428.547.027
SK Gas Co., Ltd	25.924.396.410	27.215.846.715
Các nhà cung cấp khác	16.675.079.883	33.754.213.882
	148.864.534.235	154.540.716.142

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	3.300.809.648	5.977.141.760

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/ đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.335.529.388	382.356.436.736	(382.818.926.357)	1.873.039.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.526.838.068	18.693.759.929	(16.024.699.987)	10.195.898.010
Thuế thu nhập cá nhân	536.954.037	5.264.279.667	(4.769.610.269)	1.031.623.435
Các loại thuế khác	-	412.219.084	(247.789.084)	164.430.000
	10.399.321.493	406.726.695.416	(403.861.025.697)	13.264.991.212

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế thu nhập cá nhân	532.119.802	(258.224.601)	-	273.895.201
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	665.186.996	(72.920.158.218)	72.254.971.222	-
Thuế xuất nhập khẩu	316.755.713	(32.774.240.171)	32.457.484.458	-
	1.514.062.511	(105.952.622.990)	104.712.455.680	273.895.201

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.450.196.883	1.605.023.367
Cổ tức phải trả	301.266.020	287.164.820
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	307.255.061	5.996.686.954
Tài sản thừa chờ xử lý	3.425.090.147	-
Lãi vay phải trả	-	769.215.787
Phải trả khác	11.216.888.225	5.364.721.659
	16.700.696.336	14.022.812.587

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2017	Biến động trong kỳ		30/6/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	812.228.614.360	1.007.989.212.722	(864.078.169.849)	956.139.657.233

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	23.289.186.024	85.382.360.042
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	VND	242.985.253.806	148.483.479.605
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	VND	369.799.828.137	261.945.043.934
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	-	56.957.033.131
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (iv)	VND	89.621.635.739	104.650.146.128
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (v)	VND	198.589.752.043	151.810.551.520
Ngân hàng TM Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (vi)	VND	5.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (vii)	VND	26.854.001.484	-
		956.139.657.233	812.228.614.360

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1230718/HĐTD ký ngày 27 tháng 6 năm 2017. Mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tiền lãi sẽ được thanh toán vào cuối kỳ trên cơ sở định kỳ hàng tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 162/2016-HĐTDHM/NHCT126 ký ngày 19 tháng 10 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số KHPGC160108/HĐCTD.VCB ký ngày 1 tháng 12 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 1 tháng 12 năm 2017. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.0435/2017/HĐTDHM-DN/PGBankHN ký ngày 28 tháng 3 năm 2017. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số VHN 150784 ký ngày 7 tháng 4 năm 2015 theo hình thức vay vô thời hạn. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (vi) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 441.0110/2016/HĐTDHM-PN/PGB.SG ký ngày 21 tháng 12 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động cho công ty. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần, tính lãi hàng tháng vào ngày 26, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 130000641398 ký ngày 11 tháng 4 năm 2017. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.251.510.537	1.800.045.953
Trích lập trong kỳ	12.111.473.337	11.220.968.077
Sử dụng trong kỳ	(10.016.539.950)	(8.651.883.178)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.346.443.924	4.369.130.852

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	603.426.380.000	(49.700.000)	2.928.463.221	27.677.407.535	14.986.429.633	648.968.980.389
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	50.653.156.236	8.133.329.837	58.786.486.073
Phân bổ vào các quỹ	-	-	17.325.736.059	(17.325.736.059)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.524.693.720)	(696.274.357)	(11.220.968.077)
Cổ tức	-	-	-	-	(412.155.112)	(412.155.112)
Số dư tại ngày 30/6/2016	603.426.380.000	(49.700.000)	20.254.199.280	50.480.133.992	22.011.330.001	696.122.343.273
Số dư tại ngày 1/1/2017	603.426.380.000	(49.700.000)	20.254.199.280	94.743.410.308	14.050.703.210	732.424.992.798
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	66.325.143.600	5.072.920.834	71.398.064.434
Phân bổ vào các quỹ	-	-	13.328.770.766	(13.328.770.766)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.322.731.255)	(788.742.082)	(12.111.473.337)
Cổ tức	-	-	-	(72.407.142.000)	(7.840.000.000)	(80.247.142.000)
Số dư tại ngày 30/6/2017	603.426.380.000	(49.700.000)	33.582.970.046	64.009.909.887	10.494.881.962	711.464.441.895

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.376.680.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 12 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 72.407 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: Không). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Tổng Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 008/PGC-NQ-HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2017.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	2.074.931.454	475.739.929

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	2.225,83	50.530.711	940,51	21.388.606
Euro (“EUR”)	191,00	4.783.062	190,85	4.530.206
		<u>55.313.773</u>		<u>25.918.812</u>

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.393.288.265.977	1.139.251.241.960
▪ Cung cấp dịch vụ	6.985.413.869	7.108.609.471
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.812.246.545	1.075.641.138
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	14.205.887.927	12.641.058.195
	<u>1.416.291.814.318</u>	<u>1.160.076.550.764</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(10.040.049.910)	(8.388.252.860)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.117.227.428)	(2.301.899.593)
	<u>(13.157.277.338)</u>	<u>(10.690.152.453)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.403.134.536.980</u>	<u>1.149.386.398.311</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.095.491.464.470	856.976.163.320
▪ Cung cấp dịch vụ	4.557.266.026	5.699.516.397
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.633.849.296	1.816.880.004
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.259.973.351	(198.693.146)
	1.104.942.553.143	864.293.866.575

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	26.026.365.609	25.804.975.373
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.685.188.237	877.196.438
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	94.298.290
Cổ tức được chia	100.000.000	-
	27.811.553.846	26.776.470.101

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.740.957.953	22.780.492.830
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	141.682.812	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.248.156.548	-
	23.130.797.313	22.780.492.830

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	38.009.186.499	41.282.788.456
Chi phí khấu hao	2.124.257.410	1.984.349.036
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	24.610.369.477	24.354.215.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.009.157.923	42.901.067.391
Chi phí khác	50.097.474.256	41.484.959.416
	<hr/>	<hr/>
	157.850.445.565	152.007.379.773

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.806.748.879	35.697.980.217
Chi phí khấu hao	3.313.922.721	3.517.848.913
Dự phòng phải thu khó đòi	(499.079.111)	(634.359.788)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.267.633.273	10.424.320.759
Chi phí khác	9.534.372.345	14.335.755.149
	<hr/>	<hr/>
	54.423.598.107	63.341.545.250

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	101.070.953.068	89.143.395.450
Chi phí nhân viên	96.730.687.977	102.498.340.812
Chi phí khấu hao	34.447.792.912	24.980.228.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.825.525.542	83.058.402.460
Chi phí khác	80.230.966.307	78.224.540.661

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	18.693.759.929	14.762.718.439
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	2.200.000
	<u>18.693.759.929</u>	<u>14.764.918.439</u>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	637.884.269	81.684.796
	<u>19.331.644.198</u>	<u>14.846.603.235</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.729.708.632	73.633.089.308
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	18.145.941.726	14.726.617.862
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(20.000.000)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	113.007.538	117.785.373
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	1.092.694.934	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	2.200.000
	<u>19.331.644.198</u>	<u>14.846.603.235</u>

(*) Là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 66.325.143.600 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 50.653.156.236 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.339.285 cổ phiếu (30/6/2016: 60.339.285 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2017. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Lợi nhuận phân phối	37.925.158.800	-
Các bên liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	25.373.972.400	22.332.930.700
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	15.954.473.058	16.254.848.242
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa	19.068.271.450	14.778.597.950
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	15.555.270.500	12.940.044.528
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	16.776.706.000	12.582.981.000
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn</i>		
Bán hàng hóa	11.385.383.620	11.573.375.431

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị giao dịch

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2017 30/6/2016
VND VND**

Công ty Xăng dầu Nghệ An Bán hàng hóa	13.687.304.570	10.696.032.251
Công ty Xăng dầu Quảng Trị Bán hàng hóa	13.789.000.600	10.073.300.800
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Bán hàng hóa	241.127.355.459	181.969.530.905
Ban Tổng Giám đốc Lương và thưởng	1.760.503.907	1.425.203.400
Hội đồng Quản trị Lương và thưởng	981.071.255	808.290.240

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

